

TÌNH TRẠNG NGHÈO ĐA CHIỀU Ở LAO ĐỘNG NHẬP CƯ KHU VỰC PHI CHÍNH THỨC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LƯU THANH HƯNG*
NGUYỄN THI MINH CHÂU**

Theo phương pháp tiếp cận nghèo đa chiều đang được áp dụng tại TPHCM hiện nay, hầu hết người lao động nhập cư làm việc trong khu vực phi chính thức không nghèo đơn chiều (theo chuẩn thu nhập) nhưng lại nghèo các chiều xã hội (nghèo đa chiều), phổ biến nhất là nghèo về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, nhà ở. Một trong các yếu tố có thể ảnh hưởng dai dẳng đến tình trạng nghèo của những nhóm này là do họ chưa phải là các đối tượng được quan tâm trong các chính sách an sinh xã hội của TPHCM, mặc dù TPHCM là một trong những thành phố đi đầu về hệ thống chính sách hỗ trợ cho người lao động di cư.

Từ khóa: nghèo đa chiều, lao động nhập cư, khu vực phi chính thức, TPHCM

Nhận bài ngày: 14/8/2018; đưa vào biên tập: 15/8/2018; phản biện: 17/8/2018; duyệt đăng: 13/10/2018

1. GIỚI THIỆU

Trong bối cảnh công nghiệp hóa và đô thị hóa ở Việt Nam, di cư là một xu hướng ngày càng tăng lên, đặc biệt là đến những thành phố lớn như TPHCM. Tỷ lệ di cư đến TPHCM chiếm khoảng 50% trong tổng số người di cư đến Đông Nam Bộ (Lê Thanh Sang, Nguyễn Mai Long, 2012). Với đặc điểm là đô thị lớn, nơi dẫn đầu về thu hút nguồn lao động từ khắp nơi đến làm việc và sinh sống, TPHCM dẫn đầu trong việc thực hiện những chủ trương, đường lối, quan

điểm chỉ đạo và hệ thống chính sách hỗ trợ cho người nhập cư, trong đó có tiếp cận giáo dục, y tế, điều kiện sống (nguồn nước sinh hoạt, nhà vệ sinh), nhà ở và tiếp cận thông tin - các chiều đo lường nghèo đa chiều. Tuy nhiên, phần lớn hệ thống chính sách an sinh xã hội dành cho người nhập cư nghiêng về nhóm lao động trong khu vực chính thức nhiều hơn; trong khi đó nhóm lao động phi chính thức hầu như bị thả nổi và đang đối mặt với nhiều khó khăn thách thức bởi nghèo đa chiều.

Bài viết sử dụng số liệu khảo sát của nghiên cứu “Rào cản pháp luật và thực tiễn đối với người lao động di cư trong tiếp cận an sinh xã hội”, thuộc

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

** Trung tâm Tư vấn Phát triển, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

chương trình Quyền Lao động của Oxfam tại Việt Nam, do Oxfam và nhóm nghiên cứu của Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ phối hợp với các tổ chức phi chính phủ Việt Nam trong mạng lưới *Hành động vì quyền của lao động di cư* (M.net) thực hiện tại 4 tỉnh thành gồm Hà Nội, Bắc Ninh, TPHCM và Đồng Nai, năm 2015. Số liệu khảo sát định lượng gồm 123 người lao động nhập cư trong khu vực phi chính thức ở TPHCM (trong đó có 22 công nhân may mặc, 48 công nhân xây dựng và 53 người buôn bán hàng rong), 5 cuộc thảo luận nhóm và 10 cuộc phỏng vấn sâu các hộ nhập cư khu vực chính thức và phi chính thức. Mặc dù kết quả nghiên cứu không đại diện cho toàn bộ người lao động nhập cư làm việc trong khu vực phi chính thức ở TPHCM, nhưng tình trạng nghèo đa chiều của họ và gia đình cũng phản ánh các vấn đề cơ bản mà lao động nhập cư khu vực phi chính thức ở thành phố phải đối mặt. Bài viết bắt đầu với các mô tả tóm tắt về đặc điểm của lao động nhập cư khu vực phi chính thức và gia đình họ, sau đó tập trung đo lường và phân tích các chiều nghèo dựa trên số liệu khảo sát và đặt ra những hàm ý chính sách. Kết quả được trình bày trong các bảng và biểu đồ không ghi nguồn được hiểu là từ số liệu khảo sát của cuộc nghiên cứu trên.

2. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA MẪU KHẢO SÁT

Lao động nhập cư khu vực phi chính thức ở TPHCM chủ yếu đến từ các

tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long (chiếm 36%), Bắc Trung Bộ (chiếm 33%) và Nam Trung Bộ (chiếm 18%); trong đó có sự khác biệt rõ nét về ngành nghề giữa các vùng. Đối với những người nhập cư đến từ các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, 50% làm công nhân xây dựng và 43,2% bán hàng rong; lao động đến từ Bắc Trung Bộ thì bán hàng rong chiếm tỷ lệ cao nhất 52,5% và 35% làm công nhân may khu vực phi chính thức; lao động đến từ Nam Trung Bộ thì đa phần làm công nhân xây dựng (chiếm 63,6%).

Trong tổng mẫu khảo sát có 52% nam và 48% nữ, trong đó có sự khác biệt đáng kể về giới tính trong các lĩnh vực lao động: nữ tập trung chủ yếu vào bán hàng rong (79,2% trong tổng số lao động nhập cư khu vực phi chính thức làm nghề bán hàng rong) và nam làm công nhân xây dựng (91,7% trong tổng số lao động nhập cư khu vực phi chính thức làm công nhân xây dựng); riêng ngành may mặc thu hút sự tham gia khá cân đối của nam và nữ (59,1% nữ và 40,9% nam).

Đa phần lao động nhập cư nằm trong độ tuổi từ 30 tuổi trở lên, chiếm tỷ lệ cao nhất từ 35 tuổi trở lên, 43,1%; từ 30 - 34 tuổi chiếm 22%; có sự phân chia độ tuổi với lĩnh vực lao động khá rõ ràng, người trẻ tuổi thường làm may mặc, từ 30 tuổi trở lên thì làm công nhân xây dựng và bán hàng rong nhiều hơn.

Nhìn chung, những người lao động nhập cư khu vực phi chính thức trong mẫu nghiên cứu có trình độ học vấn

Bảng 1. Một số đặc điểm nhân khẩu của mẫu khảo sát

		Công nhân phi chính thức may mặc		Công nhân xây dựng		Lao động bán hàng rong		Tổng	
		Số người	%	Số người	%	Số người	%	Số người	%
Giới tính	Nam	9	40,9	44	91,7	11	20,8	64	52,0
	Nữ	13	59,1	4	8,3	42	79,2	59	48,0
Nhóm tuổi	Dưới 20 tuổi	5	22,7	0	0,0	2	3,8	7	5,7
	Từ 20 - 24 tuổi	4	18,2	7	14,6	5	9,4	16	13,0
	Từ 25 - 29 tuổi	2	9,1	11	22,9	7	13,2	20	16,3
	Từ 30 - 34 tuổi	5	22,7	9	18,8	13	24,5	27	22,0
	Từ 35 tuổi trở lên	6	27,3	21	43,8	26	49,1	53	43,1
Trình độ học vấn	Tiểu học	4	18,2	10	20,8	14	26,4	28	22,8
	Trung học cơ sở	13	59,1	26	54,2	26	49,1	65	52,8
	Trung học phổ thông	4	18,2	10	20,8	13	24,5	27	22,0
	Trên trung học phổ thông	1	4,5	2	4,2	0	0,0	3	2,4
Tình trạng di cư	Di cư một mình	15	68,2	30	62,5	17	32,1	62	50,4
	Di cư với gia đình	7	31,8	18	37,5	36	67,9	61	49,6
Tình trạng cư trú	Thường trú	1	2,8	0	0,0	0	0,0	1	,4
	Có sổ tạm trú riêng	1	2,8	6	7,6	19	14,6	26	10,6
	Đăng ký tạm trú tập thể	29	80,6	72	91,1	111	85,4	212	86,5
	Lưu trú	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
	Không đăng ký	5	13,9	1	1,3	0	0,0	6	2,4

Nguồn: Oxfam, M.net và Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ, 2015.

thấp. Đa số có trình độ học vấn từ trung học cơ sở trở xuống (75,6%), số người có học vấn bậc trung học phổ thông chiếm 22%, chỉ có 2,4% có trình độ trên trung học phổ thông (trung cấp, cao đẳng, đại học). Không có nhiều sự khác biệt trong mẫu khảo sát về trình độ học vấn giữa các nhóm người lao động làm việc trong các ngành nghề khác nhau.

Trong tổng số 123 mẫu khảo sát thì có 50% di cư một mình và 50% di cư cùng gia đình đến TPHCM. Một số công trình nghiên cứu trước đây chỉ ra rằng, tỷ lệ di cư cả hộ gia đình đến TPHCM có mang theo trẻ em cũng khá cao và đang có xu hướng tăng lên, đặc biệt là khi trẻ còn nhỏ, ở tuổi mầm non và tiểu học (Actionaid & Oxfam, 2012). Bố mẹ muốn giữ con ở gần để

Bảng 2. Trẻ em di cư cùng với người lao động nhập cư khu vực phi chính thức phân theo ngành nghề

	Công nhân phi chính thức may mặc		Công nhân xây dựng		Lao động bán hàng rong		Tổng	
	Số người	%	Số người	%	Số người	%	Số người	%
Dưới 2 tuổi	1	14,3	4	50,0	2	7,1	7	16,3
Từ 3 đến 5 tuổi	3	42,9	4	50,0	8	28,6	15	34,9
Từ 6 đến 14 tuổi	3	42,9	0	0,0	18	64,3	21	48,8
Tổng	7	100,0	8	100,0	28	100,0	43	100,0

Nguồn: Oxfam, M.net và Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ, 2015.

tiện chăm sóc, giáo dục với điều kiện tốt hơn ở quê; hy vọng con em mình sẽ được hưởng một nền giáo dục tốt hơn để có thể thoát nghèo (Actionaid, 2014). Kết quả khảo sát của nghiên cứu này cho thấy, 50% (61/123 người) lao động nhập cư khu vực phi chính thức đến TPHCM cùng gia đình; trong đó có 35 người (chiếm 49%) lao động nhập cư khu vực phi chính thức (chủ yếu ở nhóm lao động bán hàng rong - chiếm 65%), có dẫn theo từ 1 đến 2 con đi cùng. Số trẻ em trong mẫu khảo sát di cư theo bố mẹ đến thành phố là 43 em, phần lớn là những em đang trong độ tuổi đi học mẫu giáo (chiếm 35%), tiểu học đến trung học cơ sở (49%).

Về tình trạng cư trú, hầu hết những người thuộc hộ gia đình nhập cư được khảo sát chưa có sổ tạm trú dài hạn riêng hay hộ khẩu thường trú tại nơi đến. Họ chủ yếu đăng ký theo dạng tạm trú tập thể do chủ nhà trọ đại diện (chiếm 86,7%), chỉ có 10,6% có sổ tạm trú riêng của hộ gia đình trong khi sổ tạm trú hiện nay có giá trị

sử dụng tương đương sổ hộ khẩu thường trú trên nhiều khía cạnh. Trong số 61 lao động nhập cư khu vực phi chính thức di cư cùng với gia đình có hơn 2/3 số hộ có trẻ em dưới 15 tuổi đi cùng nhưng chỉ có 13% số hộ (8/61 hộ) có sổ tạm trú riêng⁽¹⁾. Với những hộ gia đình này, tình trạng không có sổ tạm trú riêng dễ làm cho trẻ rơi vào tình trạng nghèo về giáo dục và y tế. Kết quả khảo sát cho thấy, trong số 43 em di cư cùng với gia đình đến thành phố, chỉ có 7 em (chiếm 16%) gia đình có sổ tạm trú riêng. Đa số còn lại là đăng ký tạm trú tập thể (79%) hoặc không đăng ký gì cả (chiếm 5%).

Tình trạng việc làm của lao động nhập cư khu vực phi chính thức rất bất bênh, đặc biệt là nhóm bán hàng rong và công nhân xây dựng. Có tới 53,7% những người lao động trong mẫu khảo sát cho rằng họ có việc làm nhưng không ổn định. Giải thích về việc này, nhóm công nhân xây dựng phi chính thức làm việc không có hợp đồng lao động cho rằng vì phụ thuộc

nhieu vào mối quan hệ với chủ thầu và thời tiết. Công việc có thường xuyên vào mùa khô và các tháng cuối năm, nhưng giảm mạnh vào mùa mưa.

Đi làm thợ hồ nên cuộc sống bấp bênh theo mùa. Mùa nắng này cũng chưa chắc có việc, mình làm theo thầu. Ở đây là dạng thầu phụ nhận hợp đồng của thầu chính (thảo luận nhóm công nhân xây dựng ở phường Bình Thuận, quận 7, ngày 29/3/2015).

Nhóm lao động nhập cư buôn bán hàng rong đa số có độ tuổi trên 30, trình độ học vấn thấp và thường là nữ, họ rất khó xin việc ở những công ty, xí nghiệp để trở thành công nhân - lao động trong khu vực chính thức. Bán hàng rong (vé số, trái cây, thức ăn vặt, nước uống) là phương án sinh kế tốt nhất mà họ chọn lựa khi đến thành phố và gắn chặt với vỉa hè, dù biết là vi phạm trật tự công cộng, lấn chiếm vỉa hè. Việc buôn bán vỉa hè gặp khá nhiều khó khăn, trong đó khó khăn lớn nhất mà họ phải đối mặt là chủ trương lập lại trật tự đô thị và phương án ứng phó duy nhất của họ là chạy trốn mỗi khi có đợt "ra quân".

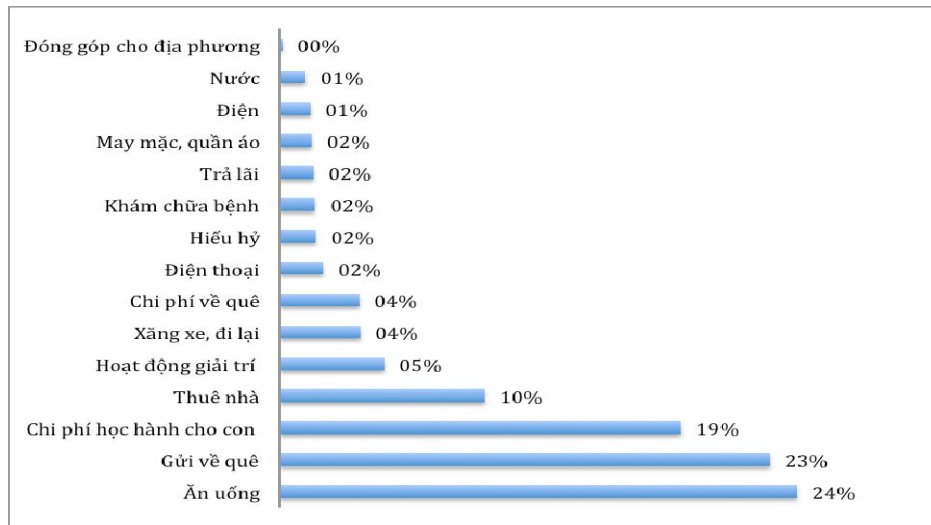
Bị cảnh sát đô thị và trật tự phường hốt hàng. Họ nói đây là khu đô thị nên không cho bán hàng rong. Khi thấy họ là chạy, có người bị té. Có chị kia bán cháo, thấy đô thị tới, sợ quá chạy, té, cháo nóng đổ lên người, bị phỏng tuột da hết 2 tay. Khi bị bắt là nguyên xe đồ này bị lấy hết luôn, mất khoảng 400 - 500 ngàn. Coi như là mất vốn luôn, còn bị phạt 150 ngàn. Tụi con ai cũng đã bị phạt hết, bữa nay tránh

được, bữa khác cũng bị. Họ đi quần, mình đâu có tránh được, chuyện buôn bán của mình quanh năm suốt tháng trong này. Bị hốt hết vốn thì đi mượn, mua thiếu để bán. Mượn trong khu này hoặc ở lối xóm nhà trọ. Mượn trả lãi, 1 triệu thành 1,2 triệu. Có người cho vay đến 30% lời. Mỗi ngày mình góp 40-50 ngàn đến chừng nào hết thì thôi. Mượn 1 triệu, trả góp 1 tháng là có thể hết (Thảo luận nhóm bán hàng rong ở Cầu Ánh Sao, phường Phú Mỹ Xuân, quận 7, ngày 30/3/2015).

Việc làm thiếu ổn định nên thu nhập bình quân nhân khẩu hộ gia đình của lao động nhập cư khu vực phi chính thức rất thấp, chỉ 3.922.895 đồng/tháng/người. Trong đó, nhóm công nhân xây dựng, hầu hết là nam giới, có mức thu nhập bình quân nhân khẩu hộ gia đình cao nhất, 4.799.806 đồng/tháng/người; còn nhóm người bán hàng rong với đa số là nữ có thu nhập chỉ 3.335.157 đồng/tháng/người, thấp hơn nhiều so với mức thu nhập trung bình của tổng mẫu khảo sát và dưới mức sống tối thiểu đến hơn 1 triệu đồng/tháng/người⁽²⁾.

Với mức thu nhập thấp như vậy, lao động nhập cư khu vực phi chính thức phải tiết kiệm tối đa các khoản chi tiêu tại nơi đến, với mức chi tiêu bình quân nhân khẩu hộ gia đình là 3.176.768 đồng/tháng/người. Trong đó, nhóm công nhân xây dựng có mức chi tiêu cao nhất, 3.980.314 đồng/tháng/người, trong khi nhóm công nhân may mặc và những người bán hàng rong chi tiêu thấp hơn nhiều, lần lượt là 2.593.409

Biểu đồ 1: Cơ cấu chi tiêu của hộ lao động nhập cư khu vực phi chính thức ở TPHCM: 2015



Nguồn: Oxfam, M.net và Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ, 2015.

đồng/tháng/người và 2.691.176 đồng/tháng/người.

Trong cơ cấu chi tiêu hàng tháng, 3 khoản chiếm tỷ lệ cao nhất là ăn uống (24,5%), gửi về quê (23,2%) và chi phí học hành cho con cái (19%).

Trong cơ cấu chi tiêu, nếu chia tổng thu nhập của một hộ lao động nhập cư khu vực phi chính thức trong mẫu khảo sát thành 5 phần, thì họ đã mất 2 phần để lo học hành cho con cái và gửi về quê (cho con hoặc cha mẹ ở quê), thêm 2 phần cho nhu cầu sống cơ bản là ăn mặc và chỗ ở (tiền thuê nhà, tiền điện, nước). Họ chỉ còn vón vẹn một phần năm số thu nhập để lo cho tất cả các sinh hoạt còn lại như chăm sóc sức khỏe khám chữa bệnh, giải trí, đi lại, hiếu hỷ, liên lạc và thậm chí là trả lãi. Số tiền trung bình họ có thể dành ra cho việc chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh chỉ khoảng 66.000 đồng/tháng/người, thấp hơn

cả tiền chi cho liên lạc (điện thoại) hàng tháng (82.000 đồng/người).

3. NHẬN DIỆN NGHÈO ĐA CHIỀU CỦA LAO ĐỘNG NHẬP CƯ KHU VỰC PHI CHÍNH THỨC Ở TPHCM

Việc đánh giá mức độ nghèo đa chiều của 123 hộ lao động nhập cư khu vực phi chính thức được khảo sát năm 2015 dựa trên các chiều, các chỉ báo đo lường và các ngưỡng thiếu hụt trong bộ chỉ báo đo lường nghèo đa chiều của TPHCM⁽³⁾.

Theo Bảng 3, tổng điểm cho 5 chiều nghèo là 100 điểm. Kết hợp giữa các chiều nghèo về dịch vụ xã hội cơ bản và thu nhập, thành phố xác định hộ gia đình⁽⁴⁾ là hộ nghèo khi có tổng số điểm thiếu hụt các chiều dịch vụ xã hội cơ bản từ 40 điểm trở lên hoặc/và thu nhập bình quân nhân khẩu từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống. Hộ cận nghèo là hộ có thu nhập bình quân từ trên 21 đến 28 triệu đồng/năm

Bảng 3. Chiều, chỉ báo và ngưỡng thiếu hụt trong đo lường nghèo đa chiều tại TPHCM giai đoạn 2016-2020

Chiều	Chỉ báo đo lường	Ngưỡng thiếu hụt
Thu nhập	<i>Thu nhập bình quân nhân khẩu hộ</i>	Hộ gia đình có thu nhập bình quân nhân khẩu hộ từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống
1. Giáo dục	<i>1.1. Trình độ giáo dục của người lớn (10 điểm)</i>	Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên từ 15 đến dưới 30 tuổi không tốt nghiệp trung học cơ sở và hiện không đi học
	<i>1.2. Tình trạng đi học của trẻ em (10 điểm)</i>	Hộ gia đình có ít nhất 1 trẻ em trong độ tuổi đi học (5 - dưới 15 tuổi) hiện không đi học.
	<i>1.3 Trình độ nghề (10 điểm)</i>	Hộ gia đình có ít nhất 1 người trong độ tuổi từ 18-35 hiện không đi học và không có bằng cấp thấp nhất tương đương với sơ cấp nghề hoặc chứng nhận hoàn thành khóa học nghề
	<i>Ghi chú: 3 chỉ báo này không tính các trường hợp tàn tật, tâm thần nặng, hoặc tình trạng sức khỏe rất kém, đang chữa bệnh bắt buộc phải nghỉ học.</i>	
2. Y tế	<i>2.1. Tiếp cận các dịch vụ y tế (10 điểm)</i>	Hộ gia đình có người bị ốm đau nhưng không đi khám chữa bệnh
	<i>2.2. Bảo hiểm y tế (10 điểm)</i>	Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên từ 6 tuổi trở lên hiện tại không có bảo hiểm y tế
	<i>Ghi chú: Không tính bảo hiểm y tế cho hộ nghèo/cận nghèo</i>	
	<i>Chỉ tiêu bảo hiểm y tế được tính dựa trên giả thuyết rằng những hộ nghèo/cận nghèo về thu nhập và đang có bảo hiểm y tế hộ nghèo/cận nghèo nếu không được Nhà nước hỗ trợ về bảo hiểm y tế nữa thì sẽ có những thành viên trong hộ không tham gia bảo hiểm y tế. Tuy nhiên, nếu người đó vừa có bảo hiểm y tế hộ nghèo vừa tham gia một bảo hiểm y tế nào khác nữa (ví dụ chế độ dân tộc thiểu số, chế độ bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội, thân nhân lực lượng vũ trang...) thì vẫn tính là có bảo hiểm y tế. Vậy nên, ở chỉ báo này chỉ tính người đang không có bảo hiểm y tế nào hoặc chỉ có duy nhất bảo hiểm y tế cho người nghèo.</i>	
3. Việc làm - bảo hiểm xã hội	<i>3.1. Việc làm (10 điểm)</i>	Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên trong độ tuổi lao động có khả năng lao động, có nhu cầu tìm việc làm nhưng không có việc làm và không có thu nhập từ 6 tháng trở lên
	<i>3.2. Bảo hiểm xã hội (10 điểm)</i>	Hộ gia đình có ít nhất 1 thành viên trong độ tuổi lao động đang làm việc không tham gia bảo hiểm xã hội (bắt buộc và tự nguyện)
	<i>4.1 Nhà ở (10 điểm)</i>	Hộ gia đình đang ở loại nhà
		1. Thiếu kiên cố hoặc nhà đơn sơ

4. Điều kiện sống		(Nhà ở chia thành 4 cấp độ: nhà kiên cố, bán kiên cố, nhà thiếu kiên cố, nhà đơn sơ).
		2. Diện tích nhà ở bình quân đầu người của hộ gia đình nhỏ hơn 6m ² ở các quận nội thành và 10m ² ở các huyện ngoại thành. Hoặc
	4.2 Nguồn nước sinh hoạt (10 điểm)	Hộ gia đình không được tiếp cận nước máy ở các quận nội thành và không được tiếp cận nước sinh hoạt hợp vệ sinh ở các huyện ngoại thành.
	<i>Ghi chú: Nguồn nước hợp vệ sinh gồm có: nước máy, nước giếng khoan, nước giếng đào có thành bảo vệ, nước khe/mó được bảo vệ (có đường ống dẫn nước, trữ nước có nắp đậy), nước mưa chứa trong bể chứa được bảo vệ. Những nguồn nước không thuộc nhóm trên là nguồn nước không hợp vệ sinh.</i>	
5. Tiếp cận thông tin	5.1 Sử dụng dịch vụ viễn thông (5 điểm)	Hộ gia đình không có thành viên nào sử dụng thuê bao điện thoại và internet
	5.2 Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin (5 điểm)	Hộ gia đình không có tài sản nào trong số các tài sản: ti vi, radio, máy vi tính

Nguồn: Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân TPHCM.

năm và tổng số điểm thiếu hụt của 5 chiều nghèo dưới 40 điểm (từ 0 đến 35 điểm). Các phân tích sau nhằm nhận diện tình trạng nghèo của những hộ lao động nhập cư khu vực phi chính thức trong mẫu khảo sát, đang làm việc trong các ngành nghề may, xây dựng và bán hàng rong.

3.1. Nghèo thu nhập và nghèo các chiều dịch vụ xã hội cơ bản

Kết quả tính thu nhập bình quân nhân khẩu hộ lao động nhập cư khu vực phi chính thức cho thấy, số hộ có thu nhập dưới 21 triệu đồng/người/năm chiếm tỷ lệ rất thấp, chỉ có 4/123 hộ (chiếm 3,3%) trong mẫu khảo sát; thu nhập từ 21 triệu đến 28 triệu đồng chiếm 12,2%; 84,6% còn lại có thu

nhập trên 28 triệu đồng/người/năm. Như vậy, tính theo chiều thu nhập thì đa số hộ gia đình di cư không thuộc hộ nghèo/cận nghèo. Tuy nhiên, trên thực tế, 24% thu nhập của người lao động di cư được gửi về quê (chủ yếu để nuôi con cái họ). Nếu trừ khoản chi này thay cho tính tăng thêm số nhân khẩu phụ thuộc của hộ thì thu nhập thực tế của hộ tại nơi đang tạm trú lại thấp hơn. Cụ thể, xét thu nhập bình quân nhân khẩu hộ sau khi trừ đi chi phí (tiền) gửi về cho con cái ở quê thì số hộ nghèo về thu nhập lúc này là 4,1% (tăng thêm 1 hộ) và số hộ cận nghèo là 16,3% (tăng thêm 5 hộ). Tổng số hộ nghèo và cận nghèo về thu nhập là 25/123 hộ, chiếm 20,3%.

Bảng 4. Nghèo về thu nhập của các hộ lao động nhập cư khu vực phi chính thức ở TPHCM: 2015

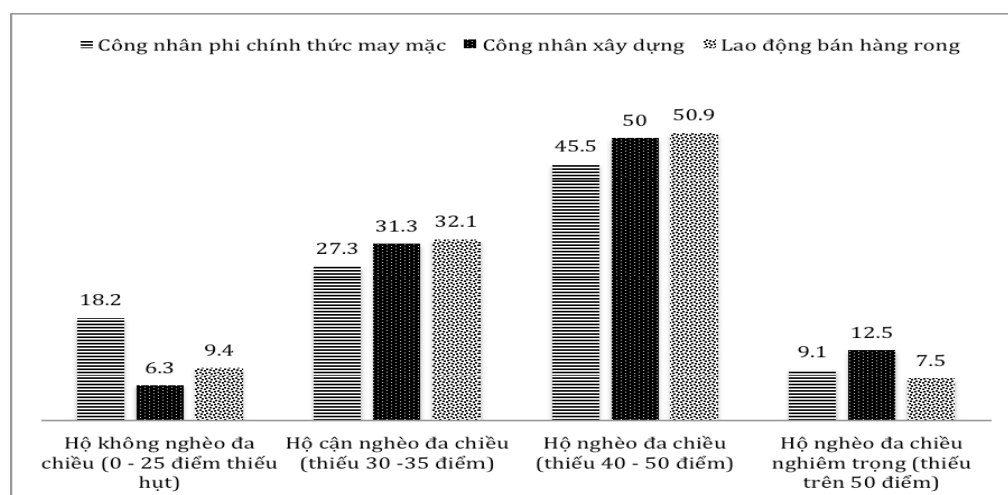
	Công nhân phi chính thức may mặc		Công nhân xây dựng		Lao động bán hàng rong		Tổng	
	Số hộ	%	Số hộ	%	Số hộ	%	Số hộ	%
Từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống	1	4,5	2	4,2	2	3,8	5	4,1
Từ trên 21 triệu đến 28 triệu đồng/người/năm	3	13,6	4	8,3	13	24,5	20	16,3
Trên 28 triệu đồng/người/năm	18	81,8	42	87,5	38	71,7	98	79,7
Tổng	22	100,0	48	100,0	53	100,0	123	100,0

Nguồn: Oxfam, M.net và Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ, 2015.

Như đã phân tích, thu nhập của nhóm người buôn bán hàng rong là thấp nhất trong các nhóm lao động nhập cư khu vực phi chính thức ở TPHCM, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo về thu nhập của nhóm này cũng là cao nhất, chiếm 20,3%, kế đến là nhóm công nhân may mặc phi chính thức (18,2%) và công nhân xây dựng 12,5%.

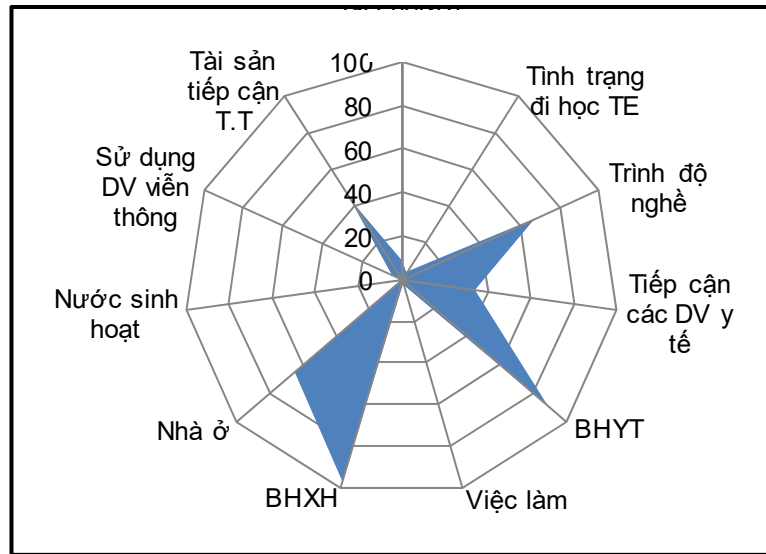
Xét các chiều dịch vụ xã hội cơ bản thì có hơn một nửa số hộ lao động nhập cư khu vực phi chính thức trong mẫu khảo sát nghèo đa chiều (73/123 chiếm 59,3%). Đây là những hộ có tổng số điểm thiếu hụt của 5 chiều nghèo về các dịch vụ xã hội cơ bản từ 40 điểm trở lên. Trong đó, hộ nghèo đa chiều nghiêm trọng (thiếu hụt từ 55

Biểu đồ 2. Tình trạng nghèo đa chiều của hộ nhập cư ở TPHCM phân theo ngành nghề lao động: 2015



Nguồn: Oxfam, M.net và Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ, 2015.

Biểu đồ 3. Tỷ lệ thiếu hụt ở các chỉ báo nghèo đa chiều của lao động nhập cư khu vực phi chính thức ở TPHCM: 2015



Nguồn: Oxfam, M.net và Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ, 2015.

điểm trở lên) chiếm 9,8%, đây là nhóm yếu thế nhất, tiếp cận ít nhất đến các dịch vụ xã hội cơ bản. Một điều đáng lưu ý nữa là số hộ cận nghèo đa chiều, thiếu hụt khoảng 1/3 số chỉ báo cũng chiếm tỉ lệ khá cao, gần 1/3 mẫu khảo sát (30,9%). Đây là những hộ dễ có khả năng rơi vào nghèo đa chiều nếu không có những tác động hỗ trợ kịp thời về mặt chính sách.

Tuy có mức thu nhập cao nhất trong số các nhóm lao động nhập cư khu vực phi chính thức, nhưng nhóm công nhân xây dựng gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, tỷ lệ nghèo đa chiều ở nhóm này cao nhất trong 3 nhóm lao động nhập cư khu vực phi chính thức (62,5%), kể đến là nhóm bán hàng rong (58,5%), và công nhân may mặc

phi chính thức (54,5%). Lao động nhập cư khu vực phi chính thức thiếu hụt phổ biến nhất ở trình độ nghề, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và nhà ở. Trong số 11 chỉ báo các chiều xã hội, tỷ lệ thiếu hụt ở các chỉ báo này từ 65% đến 97% số hộ được khảo sát.

Về bảo hiểm xã hội

Trong số 195 người độ tuổi lao động (nam từ 15 đến 60 tuổi và nữ từ 15 đến 55 tuổi) đang làm việc kiếm sống, có 185 người (chiếm 95%) không tham gia bảo hiểm xã hội (cả bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện). Những công nhân may phi chính thức và công nhân xây dựng làm việc cho các cơ sở/hộ kinh doanh cá thể nhưng lại không ký kết hợp đồng lao động theo đúng luật định (theo điều 3 của *Luật Bảo hiểm*

xã hội năm 2006), mà chỉ có hợp đồng miệng nên họ không thể có bảo hiểm xã hội bắt buộc. Họ và những người bán hàng rong chỉ có thể mua bảo hiểm xã hội tự nguyện. Mặc dù đã có những thay đổi về chính sách nhằm thu hút người lao động tham gia bảo hiểm xã hội nhưng các chính sách này vẫn chưa thật sự đi vào cuộc sống. Theo *Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006*, người lao động tham gia bảo hiểm xã hội chỉ cần làm hồ sơ với Tờ khai cá nhân theo mẫu không dựa trên điều kiện về đăng ký cư trú. *Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014* còn mở rộng thêm về đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc gồm cả những lao động có hợp đồng đủ 1 tháng trở lên, tại bất kỳ cơ sở sử dụng lao động nào. Như vậy, những công nhân may phi chính thức, công nhân xây dựng làm theo mùa vụ hoàn toàn có thể tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc. Tuy nhiên, những thông tin bổ ích về thay đổi chính sách bảo hiểm xã hội này chưa đến được với người lao động cũng như người sử dụng lao động.

Mình cũng muốn có (bảo hiểm xã hội), nhưng hiểu biết thì cũng hạn chế, không biết làm ở đâu, mua ở đâu. Làm thì cả tuần rồi, nghỉ ngày thứ 7 thì cơ quan nghỉ hết rồi (Thảo luận nhóm công nhân xây dựng ở phường Bình Thuận, quận 7, ngày 29/3/2015).

Hơn nữa, với mức đóng ít nhất là 22% mức lương tối thiểu⁽⁵⁾ thì số tiền bảo hiểm tự nguyện mà một người lao động phải đóng là khoảng 253.000 đồng/tháng. Đây thật sự là một khoản

chi không hề nhỏ, đặc biệt so với mức thu nhập thấp (3,3 triệu/tháng) và không ổn định của những người buôn bán hàng rong, vì nó chiếm khoảng 7,6% thu nhập trung bình của họ, bằng tất cả các khoản chi (trung bình) mà họ dành cho khám chữa bệnh, trả lãi, may mặc, điện, nước cộng lại.

Về bảo hiểm y tế

Hầu hết (89,4%) những hộ lao động nhập cư khu vực phi chính thức trong mẫu khảo sát đều bị thiếu hụt về bảo hiểm y tế (có ít nhất 1 thành viên từ 6 tuổi trở lên hiện tại không có bảo hiểm y tế); trong đó nhóm lao động bán hàng rong có tỷ lệ thiếu hụt cao nhất (92,5%), kế đến là nhóm công nhân xây dựng (87,5%). Cách thức chữa bệnh phổ biến nhất mà họ lựa chọn khi ốm đau là tự mua thuốc ở hiệu thuốc về uống (73,4%). Nguyên nhân chính khiến những người lao động này không tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện là do họ không có tiền mua, phổ biến ở nhóm bán hàng rong (87,5%). Với nhóm công nhân xây dựng, dù biết công việc nhiều rủi ro (tai nạn lao động) nhưng họ lựa chọn làm việc cho nhà thầu mà không ký hợp đồng lao động, không có bảo hiểm y tế, vì họ được trả lương cao hơn.

Nhiều rủi ro nguy hiểm, leo cao, có dây đai, nhưng giàn thì không vững. Khi bị tai nạn, thương tật thì được cho ít tiền để chữa lúc đó thôi, tật thì chịu suốt đời. Có người bị té từ lầu 4, cụt lưng, thầu chỉ cho 15 triệu, chịu tàn phế luôn, về quê rồi. Mình chọn làm tư

vì giá lương cao hơn, 250 ngàn/ngày. Làm công trình nhà nước lương rẻ quá, lương thợ chỉ được 130 - 140 ngàn/ngày. Mình làm tư lương cao hơn nhưng nếu bệnh hoặc tai nạn thì mình chịu (Thảo luận nhóm công nhân xây dựng ở khu phố 4A, phường Bình Thuận, quận 7, ngày 27/3/2015).

Mặc dù bảo hiểm y tế toàn dân là một cột trụ của chính sách an sinh xã hội của nước ta, vì mục tiêu phát triển bền vững, đảm bảo công bằng trong chăm sóc sức khỏe nhân dân, nhưng một trong những nhóm đối tượng chưa được quan tâm là những người lao động di cư trong khu vực phi chính thức và gia đình họ. Trước hết, về thủ tục mua bảo hiểm y tế: theo các nhà thực thi chính sách tại TPHCM, bảo hiểm y tế hộ gia đình còn bộc lộ nhiều vướng mắc khiến nhiều người không thể tham gia, nhất là những hộ gia đình nhập cư làm nghề lao động tự do tại thành phố. Bởi quy định tham gia đòi hỏi phải gồm tất cả các thành viên có tên trong sổ tạm trú của hộ gia đình; những người chỉ có giấy xác nhận tạm trú thông thường thì không thể tham gia. Trong khi phần lớn những người thuộc hộ lao động nhập cư khu vực phi chính thức ở TPHCM không có sổ tạm trú dài hạn (hầu hết là tạm trú tập thể do chủ nhà trọ đại diện, chiếm 86,7%). Do đó, cần có những chính sách thông thoáng hơn, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động nhập cư trong khu vực phi chính thức và gia đình họ có thể tham gia bảo hiểm y tế.

Về nhà ở

Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết lao động nhập cư khu vực phi chính thức tại TPHCM ở nhà thuê, 65% thiếu hụt về nhà ở (diện tích bình quân đầu người dưới $6m^2$ và/hoặc ở nhà thiếu kiên cố). Diện tích bình quân đầu người trung bình là $6,43m^2$ /người; trong đó diện tích nhỏ nhất là $1,8m^2$ /người. Thiếu hụt về nhà ở diễn ra phổ biến hơn cả ở nhóm hộ lao động bán hàng rong (74%) và công nhân xây dựng (62,5%). Một số công nhân xây dựng phải ở tại các lán trại, nhà tạm tập thể gần công trình/công trường đang thi công, hoặc những khu nhà do các chủ trọ xây tạm gần các công trình xây dựng để cho công nhân thuê.

“Tụi em chỉ chọn phòng tole thôi, trưa nắng thì ra ngoài kiếm chỗ mát ngủ. Chứ bây giờ muốn sạch sẽ hơn thì giá cao. Tụi em ở 4 bề là tole, diện tích khoảng mười mấy mét vuông mà cả 1 triệu rồi, điện không biết nhà nước thì sao, còn chủ nhà trọ thì lấy 3 ngàn trên ký, nước là 25 ngàn trên mét khối” (Thảo luận nhóm công nhân xây dựng ở phường Bình Thuận, quận 7, ngày 29/3/2015).

Để tiết kiệm chi phí, nhiều người bán hàng rong trong mẫu khảo sát cho biết, đã từng hoặc đang ở những phòng trọ tập thể 5-20 người/phòng, với giá 8-10 ngàn/đêm. Đặc điểm chung của những khu/phòng ở này là giá rẻ, có một bếp nấu ăn chung, một nhà vệ sinh chung và mỗi người được một cái giường hoặc phần nền đủ để trải chiếu một người nằm.

Việc phát triển nhà ở cho người có thu nhập thấp, nhà ở xã hội đã được đưa vào chương trình phát triển nhà ở giai đoạn 2016 - 2020 của TPHCM. Tuy nhiên, đối tượng được thụ hưởng chính sách nhà ở này chưa bao gồm nhóm lao động phi chính thức, bởi việc làm không ổn định, thiếu hợp đồng lao động; tình trạng cư trú không ổn định; thu nhập không đảm bảo... Vì vậy, nhóm đối tượng này rất khó có điều kiện nhà ở theo đúng tiêu chuẩn và đảm bảo điều kiện sống.

3.2. Tương quan giữa nghèo đa chiều và nghèo thu nhập của hộ lao động nhập cư khu vực phi chính thức

Theo kết quả của chương trình triển khai thí điểm phương pháp đánh giá nghèo đa chiều và giảm nghèo bền vững dựa trên 5 lĩnh vực: y tế, giáo dục, việc làm, nhà vệ sinh và nước sạch, gồm cả những hộ tạm trú từ 6 tháng trở lên⁽⁶⁾, thì những hộ tạm trú có tỷ lệ nghèo đa chiều cao gấp 3 lần so với hộ thường trú. Kết quả cũng cho thấy có 0,56% hộ vừa nghèo thu

nhập vừa nghèo đa chiều tại thành phố; trong khi đó có 10,79% hộ nghèo đa chiều nhưng không nghèo thu nhập; ngược lại 1,57% số hộ nghèo thu nhập nhưng không nghèo đa chiều (Ủy ban Nhân dân TPHCM, 2015: 18). Tuy nhiên, người nhập cư thuộc diện nghèo đa chiều ngay cả khi họ không nghèo về thu nhập (Oxfam, 2015). Điều này củng cố cho lập luận rằng nghèo không chỉ là ở mức thu nhập và không phải lúc nào cũng gắn với thu nhập.

Phân tích tương quan giữa nghèo các chiều dịch vụ xã hội và nghèo thu nhập cho thấy, chỉ có 4 hộ trong mẫu khảo sát (chiếm 3%) là vừa nghèo về thu nhập vừa nghèo đa chiều (thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản). Trong khi đó có đến 57 hộ (tương đương 78,1%) đã vượt qua được chuẩn nghèo về thu nhập nhưng vẫn bị nghèo đa chiều, chưa thể thoát nghèo bền vững.

Việc áp dụng phương pháp đo lường nghèo đa chiều mới⁽⁷⁾ - sử dụng song song chuẩn nghèo dựa trên chiều thu

Bảng 5. Tương quan giữa nghèo đa chiều và nghèo thu nhập của hộ lao động nhập cư khu vực phi chính thức ở TPHCM: 2015

	Hộ không nghèo đa chiều		Hộ nghèo đa chiều		Tổng	
	Số hộ	%	Số hộ	%	Số hộ	%
Từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống	1	2,0	4	5,5	5	4,1
Từ trên 21 triệu đến 28 triệu đồng/người/năm	8	16,0	12	16,4	20	16,3
Trên 28 triệu đồng/người/năm	41	82,0	57	78,1	98	79,7
Tổng	50	100,0	73	100,0	123	100,0

Nguồn: Oxfam, M.net và Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ, 2015.

nhập và các chiều dịch vụ xã hội - đã cải thiện chất lượng trong việc xác định các đối tượng mục tiêu của chính sách giảm nghèo, nhưng đồng thời cũng làm bộc lộ những hạn chế khi áp dụng chính sách. Trong 123 hộ lao động nhập cư khu vực phi chính thức được khảo sát có 73 hộ (chiếm 59,3%) rơi vào chuẩn hộ nghèo dựa trên tiếp cận nghèo đa chiều mới của TPHCM. Đây là những hộ có 1 hoặc cả 2 tiêu chí: thu nhập bình quân từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống và có tổng số điểm thiếu hụt của 5 chiều nghèo (các dịch vụ xã hội cơ bản) từ 40 điểm trở lên. Tuy nhiên, không có hộ nào trong số này là đối tượng được hưởng lợi từ chính sách giảm nghèo, do họ không đáp ứng yêu cầu về hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú dài hạn (KT3). Có thể chia số hộ nghèo là lao động nhập cư khu vực phi chính thức này thành 3 nhóm hộ theo thứ tự cần được ưu tiên hỗ trợ giảm nghèo như sau:

- Nhóm 1: 4 hộ (chiếm 3%) là hộ vừa nghèo thu nhập vừa nghèo đa chiều. Có thể thấy, sự trùng hợp giữa nghèo thu nhập và nghèo đa chiều không cao. Tỷ trọng hộ vừa nghèo thu nhập vừa nghèo đa chiều là rất nhỏ trong mẫu khảo sát. Tuy nhiên, đây là nhóm dễ bị tổn thương nhất, yếu thế nhất, cần nhanh chóng được hỗ trợ nhằm cải thiện đời sống. Các chính sách giảm nghèo bền vững cần ưu tiên trước hết đến nhóm này.

- Nhóm 2: 1 hộ (1%), là hộ nghèo về thu nhập nhưng không nghèo đa chiều.

Nhóm này cần các hỗ trợ về việc làm và thu nhập nhằm nâng cao mức sống.

- Nhóm 3: 57 hộ (78,1%), gồm những hộ không nghèo thu nhập nhưng nghèo đa chiều. Nhóm này cần sự hỗ trợ về các dịch vụ xã hội cơ bản hơn là thu nhập, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống và thoát nghèo bền vững.

4. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

Dựa trên phương pháp đo lường chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 của TPHCM, phần lớn lao động nhập cư khu vực phi chính thức TPHCM thuộc nhóm nghèo đa chiều các dịch vụ xã hội cơ bản, ngay cả khi họ không nghèo về thu nhập. Các chiều thiếu hụt phổ biến nhất là bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, nhà ở và trình độ nghề. Do đó, rất cần có những giải pháp thoát nghèo đa chiều đối với các hộ lao động nhập cư khu vực phi chính thức phù hợp với đặc điểm của từng nhóm nghèo và gắn với chính sách phát triển bao trùm của thành phố. Hệ thống chính sách an sinh xã hội trong thời gian tới cần quan tâm hơn nữa những người lao động nhập cư khu vực phi chính thức, đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhằm đưa các chính sách này vào thực tiễn cuộc sống.

Dựa vào một số kết quả nghiên cứu trên, chúng tôi xin đưa ra một số kiến nghị như sau:

1. Rà soát và xem xét lại các chính sách an sinh xã hội gắn với hộ khẩu, vì đây là một trong những rào cản lớn

nhất đối với việc tiếp cận an sinh xã hội của người lao động di cư làm việc trong khu vực phi chính thức, nhất là trong lĩnh vực giáo dục, y tế và đối với trẻ em.

2. Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức của người lao động và người sử dụng lao động trong khu vực phi chính thức về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tập trung vào những điều thay đổi của của *Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi năm 2014*, *Luật bảo hiểm y tế sửa đổi bổ sung năm 2015*, hướng tới lợi ích thiết thực của nhóm lao động này nhằm thu hút sự quan tâm và tham gia của họ.

3. *Luật Bảo hiểm xã hội* cần có những thay đổi nhằm khuyến khích lao động nhập cư khu vực phi chính thức tham gia như giảm mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, mở rộng quyền lợi của bảo hiểm xã hội tự nguyện (các chế độ ngắn hạn như ốm đau, thai sản, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp) thay vì chỉ có hai chế độ hưu trí và tử tuất.

4. Các chương trình, dự án phát triển nhà ở xã hội cần xác định nhóm lao động nhập cư khu vực phi chính thức là một trong những đối tượng phải hướng tới.

5. Đối với người buôn bán rong, cần có những giải pháp nhằm ổn định sinh kế cho họ trước khi có những biện pháp cưỡng chế. Đề xuất như sau:

- Xây dựng những phố buôn bán, đảm thực đảm bảo điều kiện về trật tự, vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị theo quy định, phục vụ nhu cầu của du khách và người dân. Đây là cách mà Thái Lan, Singapore, Indonesia đã áp dụng ở các thành phố lớn.

- Ở các tuyến đường có vỉa hè rộng và các khu vực đất công cộng có thể cắt một phần, quy định bằng vạch kẻ sơn, để cho thuê kinh doanh các dịch vụ theo khung giờ với cam kết bảo đảm vệ sinh môi trường, giữ gìn trật tự văn minh đô thị, không lấn chiếm vỉa hè, lòng lề đường gây ảnh hưởng tới xe, người tham gia giao thông.

- Chuyển hàng rong thành “cố định”. Người bán hàng rong các mặt hàng như thức ăn, nước uống, quần áo, tạp phẩm phải đăng ký với chính quyền địa phương và có điểm bán cố định, cũng như tuân thủ các quy định về vệ sinh, trật tự đô thị.

- Hỗ trợ đào tạo nghề, giới thiệu việc làm giúp những người bán hàng rong (đặc biệt là những người trẻ) chuyển đổi nghề nghiệp. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Sổ tạm trú của hộ gia đình hiện nay có giá trị tương đương với sổ hộ khẩu.

⁽²⁾ Theo kết quả xử lý phiếu hỏi của nhóm khảo sát về mức lương của người lao động năm 2015 do Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam thực hiện, mức sống tối thiểu của người lao động năm 2015 theo vùng như sau: vùng I là 4,006 triệu đồng; vùng II là 3,457 triệu đồng; vùng III là 3,003 triệu đồng; vùng IV là 2,793 triệu đồng. Căn cứ vào dự báo mức tăng chỉ báo giá tiêu dùng CPI trung bình các năm 2015-2016 khoảng 5%/năm, chưa tính đến các

yếu tố tăng trưởng kinh tế, thì nhu cầu mức sống tối thiểu của người lao động từ năm 2016 đến 2017 dự kiến như sau: Năm 2016: vùng I là 4,200 triệu đồng; vùng II là 3,630 triệu đồng; vùng III là 3,159 triệu đồng và vùng IV là 2,900 triệu đồng. Năm 2017: vùng I là 4,400 triệu đồng; vùng II là 3,800 triệu đồng; vùng III là 3,300 triệu đồng và vùng IV là 3,080 triệu đồng. TPHCM thuộc vùng I.

⁽³⁾ Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân TPHCM Về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 và Quy trình xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo TPHCM giai đoạn 2016-2020 của Ban Chỉ đạo Giảm nghèo TPHCM.

⁽⁴⁾ Hộ nghèo trong phạm vi điều chỉnh theo Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân TPHCM là những hộ thường trú và tạm trú dài hạn (KT3), không bao gồm hầu hết những hộ di cư trong cuộc khảo sát này.

⁽⁵⁾ Mức lương tối thiểu là 1.150.000 đồng/tháng, tính từ ngày 01/01/2014.

⁽⁶⁾ Chương trình này do Ủy ban Nhân dân TPHCM chủ quản, Ban Giảm hộ nghèo tăng hộ khá triển khai thực hiện năm 2015, UNDP tài trợ.

⁽⁷⁾ Phương pháp Alkire & Foster (A&F) tiếp cận dựa trên quyền con người, quyền được bảo đảm an sinh xã hội nhằm đáp ứng những nhu cầu cơ bản của con người. Các nhu cầu cơ bản này được coi là quan trọng ngang bằng nhau (Quyền không thể thay thế) và con người có quyền được đáp ứng tất cả các nhu cầu này để có thể đảm bảo cuộc sống bình thường.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. ActionAid. 2014. *Tóm tắt chính sách tiếp cận an sinh xã hội của người lao động nhập cư*, báo cáo kết quả nghiên cứu.
2. Actionaid, UKaid, Oxfam. 2012. *Giảm nghèo đô thị tại Việt Nam: thách thức mới, cách tiếp cận mới*. Báo cáo tóm tắt kết quả chính của Dự án theo dõi nghèo đô thị 2008-2012.
3. Ban Chỉ đạo Chương trình giảm nghèo. 2015. *Tăng hộ khá TPHCM - Nghiên cứu phương pháp tiếp cận đo lường nghèo đa chiều tại TPHCM và đề xuất lộ trình thực hiện*. Tài liệu hội thảo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Ủy ban Nhân dân TPHCM tổ chức tại TPHCM.
4. Ban Chỉ đạo Giảm nghèo TPHCM. 2015. *Quy trình xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo TPHCM giai đoạn 2016-2020*. Báo cáo dự án.
5. Lê Thanh Sang và Nguyễn Mai Long. 2012. “Liên kết vùng nhìn từ quá trình chuyển dịch dân số- lao động ở Đông Nam Bộ”. *Tạp chí Khoa học Xã hội* số 7(167).
6. Oxfam. 2015. *Rào cản pháp luật và thực tiễn đối với người lao động di cư trong tiếp cận an sinh xã hội*. Hà Nội: Nxb. Hồng Đức.